

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA TỈNH QUẢNG NGÃI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập – Tự do – Hạnh phúc</u>
---	--

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 26 -7 - 2019

*V/v: “Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TƯ NGHĨA, TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hồng Sơn.

2. Bà Lê Thị Bích Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Tiểu Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 75/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 25/2019/QĐST - HNGĐ ngày 16/7/2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* **Chị Phạm Thị P**, sinh năm 1995, địa chỉ: Thôn Xuân Vinh, xã Hành Đức, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. *Bị đơn:* **Anh Phan Đình T**, sinh năm 1992, địa chỉ: Tổ dân phố An Bàng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Chị P có mặt, anh T vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện ngày 21/01/2019, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Phạm Thị P trình bày:

Chị Phạm Thị P và anh Phan Đình T tự nguyện tìm hiểu, yêu thương nhau, năm 2016 thì được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới và đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 27/6/2016.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng quan điểm do tính cách không hòa hợp, anh T không lo làm ăn và còn thường xuyên xúc phạm, đánh đập chị, gia đình hai bên đã nhiều lần hòa giải, hàn gắn nhưng mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn. Nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, chị yêu cầu được ly hôn anh Phan Đình T.

Về con chung: Trước khi tổ chức lễ cưới, đi đăng ký kết hôn, chị và anh T đã về chung sống với nhau, có một con chung là cháu Phạm Thị Linh Th, sinh ngày 29/10/2015, hiện nay cháu Th đang ở với chị. Khi ly hôn, chị xin được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Th, anh T cấp dưỡng nuôi con 745.000đ/tháng.

Tài sản chung, nợ chung: không có.

2. Tại bản trình bày ngày 21/02/2019 anh Phan Đình T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và con chung anh thống nhất như lời trình bày của chị P. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do vợ chồng không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống, dù cả hai đều rất cố gắng để níu giữ hạnh phúc nhưng cũng không thể sống cùng nhau được, chị P yêu cầu được ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Trước khi anh và chị P đi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh đã có một con chung là cháu Phạm Thị Linh Th, sinh ngày 29/10/2015,

hiện tại cháu Th sống với chị P, khi ly hôn anh yêu cầu được nuôi cháu Th, không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có

3. *Tại phiên tòa, kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng, tuy nhiên gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu chậm 05 ngày. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục phiên tòa. Nguyên đơn chị Phạm Thị P chấp hành theo đúng quy định tại Điều 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn anh Phan Đình T chưa chấp hành đúng quy định tại Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị P.

Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Linh Th, sinh ngày 29/10/2015 cho chị Phạm Thị P trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Phan Đình T cấp dưỡng nuôi cháu Th 745.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị P, anh T đều trình bày không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Anh Phan Đình T cư trú tại tổ dân phố An Bàng, thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi nên Tòa án nhân dân huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý, giải quyết vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” giữa chị Phạm Thị P và anh Phan Đình T là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng bị đơn anh Phan Đình T vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227

của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P và anh Phan Đình T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới vào năm 2016, đã được Ủy ban nhân dân thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi cấp giấy chứng nhận đăng ký vào ngày 27 tháng 6 năm 2016, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Theo chị P trình bày thì trong quá trình chung sống, vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, anh T không lo làm ăn, phát triển kinh tế gia đình, vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã, xô xát nhau, mỗi lần chị góp ý, khuyên nhủ thì bị anh T đánh đập. Chị đã nhiều lần cho anh T cơ hội để xem xét lại tình cảm giữa hai vợ chồng nhưng anh Thân vẫn không thay đổi, nay chị thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về phía anh T cũng thống nhất như lời trình bày của chị P về quan hệ hôn nhân, vợ chồng sống ly thân từ tháng 12 năm 2018 cho đến nay, đã không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, vì chị P không còn tình cảm vợ chồng với anh nữa nên chị P yêu cầu ly hôn, anh đồng ý. Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin được ly hôn của chị Phạm Thị P đối với anh Phạm Đình T.

[3.2] Về con chung: Chị P và anh T đều thừa nhận vợ chồng có một con chung tên là Phạm Thị Linh Th, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2015, cháu Th được sinh ra trước khi vợ chồng đi đăng ký kết hôn. Xét cháu Th từ nhỏ đã sống với chị P, điều kiện học tập và sinh hoạt của cháu đang ổn định, mặt khác hiện nay anh Thân công việc làm, thu nhập không ổn định, sống phụ thuộc vào cha mẹ, do đó giao cháu Th cho chị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, đảm bảo quyền lợi mọi mặt của cháu Th về phát triển thể chất, học hành, anh T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu Th 745.000đ/tháng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con được quyền đến thăm, chăm sóc con chung không ai được quyền cản trở.

[3.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị P, anh T đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004089 ngày 18 tháng 02 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Phan Đình T phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

[5] Đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; 266; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị P được ly hôn với anh Phan Đình T.

2. Về con chung: Giao cháu Phạm Thị Linh Th, sinh ngày 29 tháng 10 năm 2015 cho chị Phạm Thị P trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Phan Đình T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung là cháu Phạm Thị Linh Th mỗi tháng 745.000đ (Bảy trăm, bốn mươi lăm ngàn đồng). Thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính từ tháng 7 năm 2019 cho đến khi cháu Th đủ 18 tuổi.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

5. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Thị P và anh Phan Đình T đều trình bày không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

6. Về án phí: Chị Phạm Thị P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và Gia đình, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2016/0004089 ngày 18 tháng 02 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi.

Anh Phan Đình T phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị P được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, anh Phan Đình T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

8. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, và 9 Luật thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND huyện Tư Nghĩa;
- Chi cục THADS huyện Tư Nghĩa;
- UBND thị trấn Sông Vệ, huyện Tư Nghĩa;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; án văn.

T.M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mỹ Dung

